

BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: BV Bãi Cháy

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tị lệ			
1	Tổng số mẫu	116				
2	Giới tính					
	Nam	61				
	Nữ	55				
	Nam/Nữ	1,1	11			
3	Phương pháp sinh					
	Sinh mổ	47	41%			
	Sinh thường:	69	59%			
	N/A	0	00%			
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)					
	Dưới 18 tuổi	2	02%			
	Từ 18 đến 35 tuổi	105	91%			
	Trên 35 tuổi	9	08%			
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)					
	Sinh con thứ 3	4	03%			
	Sinh con thứ 4	0	00%			
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%			
6	Cân nặng trẻ (g)					
	< 2500	0	00%			
	2500 ≤ X < 3000	23	20%			
	3000 ≤ X < 3500	67	58%			
	3500 ≤ X < 4000	24	21%			
	4000 ≤ X < 5000	2	02%			
	≥ 5000	0	00%			
7	Gói xét nghiệm					
	2 bệnh	0	00%			
	3 bệnh	0	00%			
	5 bệnh	116	100%			
	2 bệnh + Hemo	0	00%			
	3 bệnh + Hemo	0	00%			
	5 bệnh + Hemo	0	00%			
8	Chương trình sàng lọc					
	Quốc gia	0	00%			
	Xã hội hóa	116	100%			
	Demo	0	00%			



BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: BV Bãi Cháy

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN								
STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)	
1	Cân nặng trẻ (g)	111	5	116	4	1	5	
	< 2500	0	0	0	0	0	0	
•••••	$2500 \le X < 3000$	23	0	23	0	0	0	
•••••	$3000 \le X < 3500$	62	5	67	4	1	5	
•••••	$3500 \le X < 4000$	24	0	24	0	0	0	
	4000 ≤ X < 4500	2	0	2	0	0	0	
•••••	4500 ≤ X < 5000	0	0	0	0	0	0	
•••••	≥ 5000	0	0	0	0	0	0	
2	Tuổi mẹ	111	5	116	4	1	5	
	13	0	0	0	0	0	0	
•••••	14	0	0	0	0	0	0	
•••••	15	0	0	0	0	0	0	
	16	1	0	1	0	0	0	
•••••	17	1	0	1	0	0	0	
•••••	$18 \le X < 20$	8	0	8	0	0	0	
•••••	20 ≤ X < 25	29	1	30	1	0	1	
•••••	$25 \le X < 30$	43	3	46	2	1	3	
•••••	30 ≤ X <35	20	1	21	1	0	1	
	$35 \le X < 40$	8	0	8	0	0	0	
	40 ≤ X<45	1	0	1	0	0	0	
	≥ 45	0	0	0	0	0	0	
3	Dân tộc	111	5	116	4	1	5	
	Kinh	109	5	114	4	1	5	
	Khác	0	0	0	0	0	0	
	Ba na	0	0	0	0	0	0	
	Bố y	0	0	0	0	0	0	
	Brâu	0	0	0	0	0	0	
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0	
*******	Chăm	0	0	0	0	0	0	
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0	
	Chu ru	0	0	0	0	0	0	
	Chứt	0	0	0	0	0	0	
	Cill	0	0	0	0	0	0	
	Co	0	0	0	0	0	0	
	•						Trang 2	

Cơ ho	0	0	0	0	0	0
Cờ lao	•	0	0	0	0	0
Cống		0	0	0	0	0
Dao	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Ê dê		0	0	0	0	0
Gia rai	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Giấy		0	0	0	0	0
Gié triêng		0	0	0	0	0
H mông	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
H rê		0	0	0	0	0
Hà nhì		0	0	0	0	0
Ноа	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
K tu		0	0	0	0	0
Kháng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Khơ me		0	0	0	0	0
Khơ mú	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La chí		0	0	0	0	0
La ha	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La hù		0	0	0	0	0
Lào		0	0	0	0	0
Lô lô	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Lự		0	0	0	0	0
M nông		0	0	0	0	0
Mą		0	0	0	0	0
Mång		0	0	0	0	0
Mường		0	0	0	0	0
Ngái	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Nùng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	1	0	0	0
O đu		0	0	0	0	0
Pà th ể n	0	0	0	0	0	0
Phù lá	0	0	0	0	0	0
Pu péo	0	0	0	0	0	0
Rag lai	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Rơ mạn	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Sán chay	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Sán dìu	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	1	0	0	0
Si la	0	0	0	0	0	0
Tà ôi	0	0	0	0	0	0
Tày	0	0	0	0	0	0
Thái		0	0	0	0	0
Thổ	0	0	0	0	0	0
Vân kiều	0	0	0	0	0	0
X tiêng	0	0	0	0	0	0
						Trang 3

Xinh mun	:	0	0	0	0	0
Xơ đăng		0	0	0	0	0